

UBND QUẬN LONG BIÊN
HỘI ĐỒNG THI ĐUA KHEN THƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28 /HĐTĐKT
V/v thông báo tiêu chí chấm điểm thi đua
năm học 2018 - 2019

Long Biên, ngày 18 tháng 10 năm 2018

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục & Đào tạo;
- Trung tâm Văn hóa - Thông tin & Thể thao;
- Các trường MN, TH, PTCS, THCS trên địa bàn quận.

Thực hiện Công văn số 21/HĐTĐKT ngày 30/8/2018 v/v xây dựng tiêu chí chấm điểm thi đua; hướng dẫn đăng ký danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng năm học 2018-2019; Công văn số 25/HĐTĐKT ngày 04/10/2018 v/v góp ý tiêu chí đánh giá thi đua năm học 2018 - 2019;

Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục & Đào tạo Quận, Phòng VH&TT, trung tâm Văn hóa Thông tin & Thể thao và các phòng chuyên môn liên quan đã hoàn thiện biểu tiêu chí chấm điểm sau khi tổng hợp kết quả góp ý tiêu chí thi đua năm học 2018 - 2019 của các nhà trường.

Hội đồng Thi đua khen thưởng quận thông báo đến các đơn vị tiêu chí chấm điểm thi đua năm học 2018 - 2019. *(Ban hành kèm theo thông báo này)*

Đề nghị các đơn vị căn cứ tiêu chí chấm điểm thi đua, thực hiện nhiệm vụ và các phong trào thi đua năm học 2018 - 2019 theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, NV. (03)

**TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Đinh Thị Thu Hương**

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THI ĐUA CÁC TRƯỜNG THCS NĂM HỌC 2018-2019

	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm trường đạt		Xếp loại	Ghi chú
			Trường	Phòng		
			tự đánh giá	đánh giá		
	TỔNG ĐIỂM (bao gồm cả điểm thưởng)	105.0				
A.	ĐIỂM CHẤM THEO 12 TIÊU CHÍ	75.0				
I	Công tác chuyên môn của cấp học	24.0				
1	Giáo dục đạo đức , nếp sống văn minh	4.0				
	XD kế hoạch và tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục đạo đức, giáo dục truyền thống, giáo dục kỹ năng sống ..phù hợp với thực tế nhà trường	0.5				
	Tổ chức cho HS viết bài thu hoạch sau khi tham quan các di tích trên địa bàn, chấm bài thu hoạch, khen thưởng học sinh và báo cáo kết quả về Phòng GD&ĐT.	0.5				
	Thực hiện đúng quy trình xếp loại đạo đức học sinh , không có học sinh xếp loại đạo đức Yếu	0.5				
	Học sinh chào hỏi lễ phép với thầy cô giáo, khách đến trường, biết quan tâm, chia sẻ với bạn bè và mọi người xung quanh	0.5				
	Không có hiện tượng học sinh đánh nhau trong và ngoài nhà trường	0.5				
	Tỷ lệ HS xếp loại đạo đức Khá - Tốt đạt CT giao, không có HS xếp loại đạo đức TB (có HS xếp loại đạo đức TB trừ 0,25 điểm)	1.5				
2	Chất lượng học sinh	11.0				
2.1	Chất lượng đại trà + XL HL + KQ vào 10 của HS	5.0				
	Đạt chỉ tiêu được giao về Học lực (không đạt so với chỉ tiêu được giao tùy từng mức độ trừ từ 0.5 đ đến 1 đ)	2.0				
	Tỷ lệ HS thi đỗ vào THPT công lập đạt chỉ tiêu được giao (có 1 HS bị 0 điểm trừ 0.5đ)	3.0				

2.2	Chất lượng mũi nhọn	6.0				
	Có học sinh vào đội tuyển cấp Quận đạt chỉ tiêu giao	2.0				
	Có học sinh vào đội tuyển cấp TP đạt chỉ tiêu giao	2.0				
	Xếp loại thi đua về HSG (Tốt 1 đ, Khá 0.5 đ, TB 0.25đ)	1.0				
	Có học sinh đạt giải: QT, QG, Nhất TP: 1 đ; Nhì 0,75 đ; Ba 0,5 đ; KK 0,25 đ	1.0				
3	Chất lượng của GV	9.0				
3.1	Chất lượng đại trà	4				
	100% CB, GV thực hiện tốt quy chế chuyên môn Thực hiện đổi mới PPDH theo định hướng phát triển năng lực, nhận thức của HS	1.0				
	Cập nhật điểm vào phần mềm QLĐ đúng tiến độ (chậm tiến độ 1 tháng trừ 0,25 đ)	0.5				
	Các tiết dạy do PGD kiểm tra dự giờ xếp loại từ khá trở lên (1 tiết XL trung bình trừ 0.5đ; 1 tiết không đạt trừ 1đ)	1.0				
	Ra đề KT đúng kĩ thuật, bám sát ma trận đề, bám chuẩn KT-KN đáp ứng yêu cầu đổi mới.	1.0				
	100% GV đăng ký sử dụng ĐDDH thường xuyên, hiệu quả	0.5				
3.2	Kết quả thi GV dạy giỏi	5.0				
	Xây dựng kế hoạch thi GVG cấp trường đảm bảo đúng qui định	0.5				
	Tổ chức hiệu quả hội thi GVG cấp trường	0.5				
	Tham gia đầy đủ, hiệu quả các đợt thi GVG cấp Quận	0.5				
	100% GVG dự thi GVG cấp quận được công nhận GVG cấp quận	0.5				

	Xếp loại thi GVG (XS 2 đ, Tốt 1.5 đ, Khá 1 đ, TB 0.5 đ)	2.0				
	Có GV đạt: Cấp QG - nhất TP: 1 đ; Nhì TP: 0,75 đ, Ba TP: 0,5 đ	1.0				
II	Công tác kiểm tra nội bộ trường học	7.0				
1	- XD kế hoạch kiểm tra nội bộ bám sát các văn bản chỉ đạo và đủ hồ sơ theo qui định	1.0				
2	Công khai kế hoạch, kết quả kiểm tra nội bộ nhà trường hàng tháng theo qui định	1.0				
3	- Có khắc phục kịp thời các tồn tại sau KT: - Công tác kiểm tra nội bộ nhà trường mang tính thúc đẩy, không hình thức, lưu đầy đủ hồ sơ	1.5				
4	Báo cáo đầy đủ, chính xác kết quả kiểm tra nội bộ hàng tháng về PGD trong sơ kết công tác tháng (Thiếu nội dung 1 tháng trừ 0,25 điểm)	0.5				
5	Quản lý DT-HT trong và ngoài nhà trường đúng quy định (có phản ánh, đơn thư tùy theo mức độ trừ từ 0,25 đến 1đ)	1.0				
6	Báo cáo kịp thời các việc phát sinh, đột xuất. Xử lý giải quyết kịp thời các vụ việc không để xảy ra tình trạng đơn thư vượt cấp (Có phản ánh, đơn thư vượt cấp nếu xác minh là đúng trừ từ 1đ đến 2đ)	2.0				
III	Công tác UDCNTT - Thư viện	7.0				
1	XD kế hoạch về CNTT, kế hoạch thi bài giảng E- learning bám sát nhiệm vụ năm học, phù hợp thực tế nhà trường	0.5				
2	Thực hiện cập nhật tin bài, kho tài nguyên, văn bản..... đầy đủ (Theo bộ tiêu chí đánh giá MHTHĐT)	0.5				
3	Tạo lập các chuyên mục trên cổng thông tin điện tử mang tính sáng tạo, đặc trưng riêng của nhà trường,	0.5				
4	Thực hiện hiệu quả mô hình trường học điện tử hoặc một phần mô hình trường học điện tử trong công tác quản lý và giảng dạy	0.5				
6	Có HS tham gia hội thi Tin học trẻ của Quận đạt giải	0.5				

7	Xây dựng kế hoạch hoạt động Thư viện bám sát nhiệm vụ	0.5				
2	Hàng tháng tổ các hoạt động giới thiệu sách đúng chủ đề, hiệu quả	0.5				
3	Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu sách, viết thu hoạch mang tính sáng tạo	0.5				
8	Hàng năm có đầu tư ngân sách cho công tác thư viện trường học đúng qui định	1.0				
9	Kết quả hoạt động công tác thư viện trường học (XS 2đ; TT: 1.5 đ, đạt chuẩn 1 đ)	2.0				
IV	Công tác HSSV - Chính trị tư tưởng	5.0				
1	Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch thực hiện công tác Y tế học đường, phòng chống TNTT, vệ sinh ATTP, phổ biến GDPL, ATGT..	0.5				
2	Không có học sinh vi phạm khi tham gia giao thông (có HS vi phạm tùy mức độ trừ từ 0.25 đến 0.5đ)	0.5				
3	Được Quận công nhận mô hình trường học "Sáng – Xanh -Sạch -Đẹp - Nở hoa"	1.0				
4	Học sinh có ý thức bỏ rác đúng nơi quy định, đổ rác đúng giờ	0.5				
5	Thực hiện mô hình "Nhà vệ sinh thân thiện, không có mùi hôi", giữ gìn, bảo quản CSVC khu vệ sinh	1.0				
6	Tham gia Hội thi tiếng hát GV và giai điệu tuổi hồng (Nhất 1,0; Nhì: 0,75 đ; Ba: 0,5đ)	1.0				
V.	Công tác thi – KĐCL – Tuyển sinh	6.0				
1	Tổ chức xét TNTHCS và Thi vào 10 THPT đúng thời gian qui định	0.5				
2	100% CB, GV được điều động làm thi tham gia đầy đủ, đúng thời gian, đúng quy chế.	1.0				
3	Thực hiện chế độ báo, dữ liệu thi đầy đủ, chính xác, đúng thời gian (Nhập dữ liệu thi nghề, xét TN thi vào lớp 10)	1.0				
4	Xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng và báo cáo tự đánh giá sát tình hình nhà trường	1.0				

5	Thực hiện tự kiểm định, lưu đủ hồ sơ minh chứng theo các tiêu chuẩn	0.5				
6	Công tác điều tra số liệu tuyển sinh chính xác, xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp tình hình thực tế nhà trường	1.0				
9	Đảm bảo sự đồng đều về sĩ số học sinh giữa các lớp, sĩ số HS/lớp không vượt quá qui định	1.0				
VI	Công tác quản lý, điều hành	14.0				
1	Xây dựng các văn bản đầy đủ, phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian và rõ hiệu quả	2.0				
2	Tổ chức thực hiện theo kế hoạch, giải quyết công việc theo qui trình, làm việc theo qui chế (để xảy ra sai phạm tùy từng mức độ trừ từ 1.5 đến 3 điểm)	3.0				
3	Đăng ký, xây dựng, tổ chức thực hiện nội dung đổi mới góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện triển khai hiệu quả tại đơn vị (có minh chứng kèm theo)	3.0				
4	Triển khai hiệu quả các mô hình, phương pháp dạy học mới Tổ chức hiệu quả các chương trình liên kết trong nhà trường	2.0				
5	Thực hiện hiệu quả đổi mới các hình thức tổ chức dạy học (NCKHKT, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, đề án nâng cao chất lượng dân số ...)	1.0				
6	Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ hàng tháng CBGVNV sát với kết quả thực hiện nhiệm vụ	0.5				
7	- Xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất, không có phản ánh, kiến nghị, đơn thư khiếu nại (1đ) - Thực hiện tốt ba công khai (1đ)	2.0				
8	Nộp các loại báo cáo có đầy đủ các nội dung theo yêu cầu đúng thời gian, đủ nội dung (Nộp không đúng thời gian, không đủ nội dung 1 lần trừ 0,25 điểm)	0.5				
VII	Thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua và công tác Đoàn – Hội – Đội	5.0				
1	Xây dựng đầy đủ kế hoạch triển khai thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động	1.0				

2	Quản triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định của ngành	0.5				
4	- Tổ chức tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động: '- 100% CB-GV-NV thực hiện nghiêm túc, có sơ kết định kì	1.0				
5	Xây dựng đủ các kế hoạch, chương trình công tác Đoàn (0.5đ) Đội, Hội. Kết quả Công tác Đoàn - Đội (Xuất sắc 1đ; Tốt: 0.5; Khá: 0,25)	1.5				
6	Phối hợp tốt giữa nhà trường với Hội cha mẹ HS, không để xảy ra khiếu nại, thắc mắc	1.0				
VIII	Công tác văn phòng – Pháp chế - Thi đua khen thưởng - TTHC	7.0				
1	Xây dựng quy chế ban hành đầy đủ kế hoạch công tác VTLT năm học 2017-2018, văn bản đúng thể thức tại TT 01/2011/TT-BNV	1.0				
3	Ban hành danh mục hồ sơ hiện hành, thiết lập hồ sơ, lưu hồ sơ đúng quy định thông tư 04/2013/TT- BNV. Có sổ đăng ký công văn đi, đến đầy đủ , quản lý con dấu đúng quy định	0.5				
5	Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra VTLT tại đơn vị theo kế hoạch đã xây dựng., lưu đủ biên bản	0.5				
6	Xây dựng kế hoạch và tổ chức hiệu quả ngày pháp luật nước cộng hòa XHCN Việt nam	0.5				
7	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm phòng chống tham nhũng lãng phí	0.5				
8	Thực hiện đúng quy trình giải quyết TTHC trong nhà trường (<i>theo nguyên tắc một cửa</i>). Thực hiện theo đúng 02 quy trình đã xây dựng	0.5				
10	Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua trong nhà trường đúng quy trình,	0.5				
11	- Tổ chức xét duyệt kết quả thi đua trong nhà trường đúng quy trình khách quan, hiệu quả, - Bình xét thi đua, đánh giá, xếp loại CBCC cuối năm công khai, minh bạch, đúng qui định, không để xảy ra khiếu nại, thắc mắc	0.5				
12	Gửi các văn bản đăng ký thi đua đầu năm , văn bản hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng hướng dẫn, các báo cáo đúng thời gian quy định.	0.5				

13	Tuyên truyền các nội dung về gương NTVT và đăng tải đầy đủ trên trang Web của trường (0.5đ) - Có đủ bài viết về NTVT gửi về ngành (0.5 đ)	1.0				
14	Bài viết được HĐTĐKT Quận khen thưởng hoặc có gương người tốt việc tốt cấp Quận .	1.0				
	ĐIỂM THƯỞNG (tối đa cho mỗi mục 1 điểm)	5.0				
1	<i>Chất lượng học lực đại trà vượt chỉ tiêu giao</i>	<i>1.0</i>				
2	<i>Tỉ lệ HS đỗ vào lớp 10 CL vượt chỉ tiêu giao</i>	<i>1.0</i>				
3	<i>Chất lượng mũi nhọn HS vượt chỉ tiêu giao</i>	<i>1.0</i>				
4	<i>Kết quả thi GVG vượt chỉ tiêu giao</i>	<i>1.0</i>				
5	<i>Tổ chức Làm điểm cho TP (1đ), Quận (0,5đ)</i>	<i>1.0</i>				
B	Chỉ tiêu về Công tác cán bộ, đào tạo bồi dưỡng, VTVL (Phòng Nội vụ đánh giá)	10.0				
C	Chỉ tiêu về tài chính- tài sản (Phòng TC-KH đánh giá)	10.0				
D	Chỉ tiêu về y tế, ATTP (Phòng y tế đánh giá)	5.0				

1. Qui định về đánh giá, xếp loại:

- **Xếp loại XS:** 11/11 chỉ tiêu xếp loại Tốt, trong đó có ít nhất 7 chỉ tiêu xếp loại xuất sắc(phải có chỉ tiêu về chuyên môn) và đạt 95 điểm trở lên (bao gồm cả điểm thưởng)
- **Xếp loại Tốt:** 11/11 chỉ tiêu xếp loại Tốt, trong đó có ít nhất 5 chỉ tiêu xếp loại xuất sắc và đạt từ 85 điểm trở lên (bao gồm cả điểm thưởng)
- **Xếp loại Khá:** Có 5/13 chỉ tiêu xếp loại tốt, còn lại xếp loại khá và đạt từ 70 điểm trở lên (bao gồm cả điểm thưởng)
- **Loại TB:** Chưa đạt các tiêu chí trên

2. Hạ bậc thi đua:

Tập thể có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm quy định của Đảng, của nhà nước, của pháp luật, của ngành hoặc để xảy ra các vụ việc về mất an toàn, an ninh trật tự trường học tùy theo mức độ sẽ bị hạ bậc thi đua.

3. Đánh giá các chỉ tiêu: XS (đạt từ 95% của tổng điểm của chỉ tiêu); Tốt (đạt từ 80% của tổng điểm của chỉ tiêu); Khá (đạt từ 70% của tổng điểm của chỉ tiêu); TB: Đạt dưới 70% tổng điểm của chỉ tiêu.

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THI ĐUA
CÁC TRƯỜNG MẦM NON NĂM HỌC 2018 - 2019**

TT	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm trường đạt		Xếp loại	Ghi chú
			Trường tự đánh giá	Phòng đánh giá		
I	Công tác chuyên môn của cấp học	20				
1	<i>* Triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo nhiệm vụ năm học của Sở, Phòng GD&ĐT và của Quận về GDMN:</i>	4				
	Thực hiện đúng, đủ, kịp thời, lưu giữ đầy đủ, khoa học các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp. (1,0đ)					
	Xây dựng và thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch tháng đúng tiến độ, hiệu quả. (1,0đ)					
	Duy trì chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; Phối hợp các đơn vị điều tra phổ cập kịp thời, chính xác, đúng kế hoạch. (1,0đ)					
	Nộp báo cáo, số liệu đủ, chính xác, có chất lượng, đúng thời gian quy định (1,0đ)					
2	<i>* Duy trì và phát triển số lượng trẻ ra lớp: Nhà trẻ: 50%; MG: 99,0%; trong đó trẻ 5 tuổi đạt 100%; Trẻ Khuyết tật học hòa nhập: 75% trở lên (5,0đ)</i>	5				
	Nhà trẻ: 49%; MG: 98,5 %; trong đó trẻ 5 tuổi đạt 99,5%; Trẻ Khuyết tật học hòa nhập: 74%. (4,5đ)					
	Nhà trẻ: 48%; MG: 98%; trong đó trẻ 5 tuổi đạt 99,%; Trẻ Khuyết tật học hòa nhập: (73%) (4,0đ)					
	Nhà trẻ: 47%; MG: 97,5%; trong đó trẻ 5 tuổi đạt 98,5%; Trẻ Khuyết tật học hòa nhập: 72% (3,5đ)					
	Nhà trẻ: 46%; MG: 97%; trong đó trẻ 5 tuổi đạt 98%; Trẻ Khuyết tật học hòa nhập: 71% (3,0đ)					
	Nhà trẻ: 45%; MG: 96,5%; trong đó trẻ 5 tuổi đạt 97,5%; Trẻ Khuyết tật học hòa nhập: 70% (2,5đ)					
Dưới các chỉ số trên (2,0đ)						

	* Nâng cao Chất lượng chăm sóc giáo dục, đảm bảo an toàn cho trẻ:				
	Tổ chức và chỉ đạo GV chuẩn bị đầy đủ đồ dùng bán trú cho 100% trẻ; thực hiện đủ, đúng số lần, thời gian và chất lượng cân, đo, khám sức khoẻ định kỳ cho trẻ theo Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGD&ĐT.(1,0đ)				
	Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Chương trình Sữa học đường. Giảm tỷ lệ trẻ SDD, thấp còi và trẻ thừa cân so với đầu năm. (0,5đ)				
	Bếp ăn đảm bảo VSATTP, thực hiện ký kết hợp đồng thực phẩm theo chỉ đạo của UBND Quận, cam kết cơ sở ATTP theo quy định. (0,5đ)				
3	Đảm bảo vệ sinh môi trường sáng – xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện. Trong nhóm, lớp tăng cường cây xanh, tạo môi trường học tập phù hợp, có treo ảnh Bác Hồ. 50% diện tích sân vườn là sân cỏ, khu vui chơi thể chất, các phòng chức năng, khu sinh hoạt cộng đồng được sử dụng hiệu quả để đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động học chuyên biệt phù hợp đặc thù của trường. (1,0đ)	5			
	Xây dựng thực đơn ăn của trẻ khoa học, cân đối chất, tỷ lệ canxi, B1 đảm bảo theo quy định. Làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh theo quy định, tiêm chủng, không có tai nạn thương tích, ngộ độc thực phẩm xảy ra. (0,5đ)				
	Thực hiện tốt chương trình GDMN mới: Lập kế hoạch GD theo năm, tháng, tuần đúng quy định; XD ngân hàng nội dung HĐ các lứa tuổi phù hợp, khoa học. Đánh giá trẻ các độ tuổi đúng quy định và tiến độ thời gian; Chất lượng các vở bài tập, sản phẩm và học liệu của trẻ theo độ tuổi đầy đủ, chất lượng và sử dụng nhiều nguyên vật liệu. (1,0đ)				
	Lựa chọn và tổ chức các hoạt động liên kết, ngoại khoá cho trẻ phù hợp, đúng quy định. (0,5đ)				

4	* Đổi mới quản lý GDMN				
	Triển khai thực hiện hiệu quả "Kế hoạch phát triển nhà trường đến năm 2020". XDKH đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức cụ thể, hiệu quả. Thực hiện bồi dưỡng CM, NVSP, kỹ năng xử lý công việc... cho CBGVNV tại trường (Ngoài KH của Quận, PGD) – (1,0đ)				
	100% GV thực hiện đổi mới phương pháp và tổ chức hình thức hoạt động theo quy định, thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo đúng quy định.(1.0đ)				
	Đảm bảo 100% CBQL, GVNV có trình độ CM đạt chuẩn, trong đó có 80% CBGVNV trên chuẩn, tỷ lệ GV là đảng viên 30%. (1,0đ) Trường tư thực 100% CBQL, GVNV có trình độ CM đạt chuẩn, trong đó ít nhất 30% trên chuẩn, trường có chi bộ Đảng. (Dưới tỷ lệ như trên 0,75 đ)	4			
	Thực hiện đúng, đủ, kịp thời chế độ chính sách cho người lao động. Tham gia đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần các buổi tập huấn, kiến tập, bồi dưỡng chuyên môn và các buổi họp, hội nghị do các cấp tổ chức. (0,5đ)				
	Thực hiện đánh giá Hiệu trưởng; Phó HT, TTCM; GV, NV theo vị trí việc làm nghiêm túc đúng hướng dẫn, hiệu quả. (0,5đ)				
	* Phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và tuyên truyền về GDMN trong cộng đồng:				
	Xây dựng góc “Cha mẹ cần biết” phù hợp, khoa học, phong phú, đầy đủ thông tin (đặc biệt công tác phòng chống dịch bệnh); thường xuyên cập nhật nội dung tuyên truyền về GDMN trên công TTĐT của nhà trường (0,5đ)				
5	Nội dung, kiến thức tuyên truyền về nuôi dạy trẻ khoa học, kịp thời, đúng thời điểm. (0,5đ)	2			
	Kết hợp tốt với UBND Phường trong công tác tuyên truyền, cập nhật hồ sơ, sổ sách, phiếu điều tra,... về phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi hiệu quả, đúng tiến độ, số liệu chính xác. Cập nhật phần mềm Phổ cập chính xác thông tin, đúng tiến độ. (0,5đ)				
	Công tác xã hội hoá GD thực hiện đúng quy định, hiệu quả (0,5đ)				
II	Công tác kiểm tra nội bộ trường học	7			

1	XD kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học đủ nội dung, rõ ràng, khoa học, đúng quy định, bám sát vào nhiệm vụ năm học. Thành lập Ban kiểm tra và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban	1			
2	Công khai đầy đủ các mẫu biểu về các hoạt động của nhà trường theo Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT và tài chính theo Thông tư 61/2017/TT-BTC trên cổng thông tin điện tử theo quy định.	1			
3	Thiết lập hồ sơ tự kiểm tra đúng quy định, lưu trữ biên bản khoa học, đầy đủ, thực hiện hiệu quả và điều chỉnh hợp lý kế hoạch đề ra, lưu đầy đủ hồ sơ, biên bản kiểm tra và khắc phục tồn tại sau kiểm tra.	1			
4	Báo cáo đầy đủ, chính xác kết quả kiểm tra nội bộ hàng tháng về phòng GD&ĐT trong sơ kết công tác tháng.	1			
5	Cập nhật các biên bản về công khai tài chính theo Thông tư 61/2017/TT-BTC; các hoạt động của nhà trường theo Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT lưu tại hồ sơ đầy đủ, đúng, đủ biểu mẫu và thời gian theo quy định. Có biện pháp khắc phục kịp thời các tồn tại, vướng mắc trong quá trình kiểm tra.	1			
6	Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đủ nội dung, có hiệu quả. Công tác kiểm tra có tác dụng thúc đẩy toàn diện các hoạt động của nhà trường.	1			
7	Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra nội bộ đúng quy định. Báo cáo kịp thời các vụ việc đột xuất.	1			
III	Công tác ứng dụng CNTT	5			
1	Xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ về ứng dụng CNTT, kế hoạch Hội thi thiết kế bài giảng E-Learning vào nhiệm vụ năm học, phù hợp thực tế nhà trường. Đẩy mạnh ứng dụng và cập nhật đầy đủ, đúng tiến độ các phần mềm phục vụ công tác quản lý, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và các hoạt động của nhà trường hiệu quả.	0.5			
2	XD và triển khai thực hiện hiệu quả thư viện điện tử có nhiều bài giảng Elearning, kho học liệu, hình ảnh, tiếng động...được sắp xếp theo chủ đề, lứa tuổi hiệu quả.	0.5			
3	Tạo lập các chuyên mục phù hợp trên cổng thông tin điện tử mang tính đặc trưng riêng của trường, có sự tương tác của phụ huynh học sinh.	0.5			

4	Từ 95->100% CBGVNV biết UDCNTT, sử dụng thường xuyên TTB hiện đại; ít nhất 50% GV biết thiết kế bài giảng điện tử. (Trường thực hiện MHTHĐT: 100% CBGVNV thường xuyên UDCNTT, 100% GV biết sử dụng bảng tương tác, ít nhất 20% GV thiết kế được bài giảng trên bảng tương tác, khai thác ít nhất 80% công suất của bảng tương tác)	1				
5	Tổ chức đúng quy trình và hiệu quả hội thi "Thiết kế bài giảng điện tử E-Learning" năm học 2018-2019 cấp Trường. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin điện tử trong việc đăng tải bài, khai thác văn bản, sắp xếp các ô thư mục phù hợp, khoa học. (Trường MHTHĐT thực hiện tốt các quy định của mô hình THĐT theo tiêu chí của Quận).	1				
6	Nhà trường sử dụng phần mềm tính khẩu phần ăn của trẻ, khuyến khích cập nhật phần mềm kế hoạch giáo dục đã được Bộ GD&ĐT thẩm định. BGH tăng cường ứng dụng CNTT trong điều hành các hoạt động của nhà trường. GV đẩy mạnh việc sử dụng bài giảng Elearning trong dạy	1				
7	Có tổ chức cho trẻ 5 tuổi được làm quen với CNTT qua các phần mềm trò chơi GD phù hợp.	0.5				
IV	Công tác xây dựng, duy trì trường Chuẩn quốc gia - Kiểm định chất lượng - Tuyển sinh.	8				
1	Có kế hoạch xây dựng và bố trí kinh phí duy trì các tiêu chí trường chuẩn quốc gia, kiểm định chất lượng GD hiệu quả.	1				
2	Duy trì tốt 5 tiêu chí trường CQG (1,5 đ) - Đạt chuẩn nhưng không duy trì được 5 tiêu chí CGQ (mỗi tiêu chí không đạt trừ 0,25 đ) Với trường chưa đạt trường chuẩn quốc gia (Sắp xếp các phòng học và phòng chức năng hợp lý, khoa học, sử dụng hiệu quả). (1,25 đ)	1.5				
3	Thực hiện nghiêm túc các quy định của công tác tự kiểm tra, đánh giá do TP, Quận, Ngành quy định.	0.5				
4	Xây dựng và triển khai Tự đánh giá, lưu đủ hồ sơ, minh chứng, cập nhật phần mềm Kiểm định chính xác, đúng thời gian quy định.	0.5				
5	Duy trì tốt kết quả Kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường (1,0đ), với các trường chưa Kiểm định (0,75 đ)	1				
6	Công tác điều tra số liệu tuyển sinh chính xác, xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp tình hình thực tế nhà trường.	1				

7	Thực hiện tốt tuyên truyền về công tác tuyển sinh, cập nhập phần mềm tuyển sinh trực tuyến chính xác về thông tin của học sinh, trực tiếp đúng thời gian quy định và hiệu quả.(Đơn vị nào không thực hiện đúng thời gian trừ 0,5đ)	1			
8	Thực hiện tuyển sinh đúng chỉ tiêu, đúng kế hoạch đã XD tại trường.	0.5			
9	Phân bố, định biên học sinh theo đúng độ tuổi và đảm bảo tỷ lệ học sinh/lớp theo quy định.	1			
V	Công tác quản lý	11			
1	Quản lý và XD hệ thống văn bản đi - đến đầy đủ, khoa học, đúng quy định.	0.5			
2	Điều hành công việc hiệu quả theo đúng tiến độ kế hoạch.	0.5			
3	Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ đảm bảo đúng quy định theo 10 chỉ số: (Tỷ lệ trẻ Nhà trẻ ra lớp; Tỷ lệ trẻ Mẫu giáo ra lớp; số trẻ/lớp; phổ cập GDMN 5 tuổi; Tỷ lệ trẻ SDD; Tỷ lệ trẻ thấp còi, trẻ thừa cân; Trẻ khuyết tật; Tỷ lệ trẻ đạt yêu cầu phát triển theo độ tuổi; Tỷ lệ chuyên cần; Tỷ lệ khám sức khỏe)	2			
	Đạt 10 chỉ số: (1,5 đ)				
	Đạt 9/10 chỉ số: (1,25 đ)				
	Đạt 8/10 chỉ số: (1,0 đ)				
	Đạt 7/10 chỉ số: (0,75 đ)				
	Đạt 6/10 chỉ số: (0,5 đ)				
	Tổ chức tốt "Liên hoan chúng cháu vui khỏe" cấp Trường và tham gia cấp Quận. Đạt giải Nhất (1,0đ); Giải Nhì (0,75đ); Giải Ba (0,5đ); Tham gia nhưng không có giải (0,25đ)	1			
5	HT, PHT, TTCM, GV phụ trách thực hiện tốt vai trò nêu gương của lãnh đạo được tập thể công nhận.	0.5			
6	Tổ chức tốt Hội thi GV dạy giỏi, nhân viên nuôi dưỡng giỏi cấp Trường đúng quy trình, khách quan, hiệu quả.	0.5			
7	Có GV dạy giỏi, NV nuôi dưỡng giỏi tham gia thi cấp Quận đạt giải:	2			
	Đạt Nhất cấp Quận: (2,0đ) Đạt Nhì cấp Quận: 1,75đ;				

	Đạt Ba cấp Quận: (1,25đ) Có tham gia nhưng không đạt giải: (1,0đ)				
8	Tập thể lao động XS cấp TP và TT về TĐTT cấp TP – (1,5đ)	1.5			
	Đạt danh hiệu trường TT cấp Quận và TT về TĐTT cấp Quận – (1,25đ)				
9	Phối hợp quản lý tốt các trường lớp MN Tư thực trên địa bàn Phường	0.5			
10	Hàng tháng nộp báo cáo cuối tháng, viết bài trên cổng thông tin điện tử có hình ảnh các hoạt động tiêu biểu của nhà trường có lời bình đúng thời gian, đủ nội dung và số lượng bài viết.	0.5			
11	Tham gia Hội thi "Tiếng hát GV và giai điệu Tuổi hồng" cấp Quận đúng quy định. Đạt giải Nhất (1,5 đ); Giải Nhì (1,25); Giải Ba (1,0 đ)	1.5			
VI	Thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua. Công tác viết về gương người tốt việc	10			
1	XD kế hoạch và triển khai thực hiện các phong trào thi đua, cuộc vận động hiệu quả, đúng quy định.	0.5			
2	Có thành lập tổ chức công đoàn cơ sở (1 đ)	1			
	Không thành lập tổ chức công đoàn: Không đánh giá.				
3	Quản triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định của ngành.	0.5			
4	Chỉ đạo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân đúng quy định, hiệu quả. Có quy chế phối hợp giữa chính quyền và công đoàn.	1			
5	100% CBGVNV nghiêm túc thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua hiệu quả. Tổ chức tốt các đợt phát động, sơ kết thi đua theo	0.5			
6	Có gương điển hình trong các phong trào thi đua, các cuộc vận động được giới thiệu về Ngành, Quận.	1			
7	Công đoàn vững mạnh: 2	2			
	Công đoàn Khá: 1,5				
	Công đoàn Trung bình: 1,0				
	Công đoàn Yếu: 0				
8	Tuyên truyền CBGVNV viết về gương người tốt việc tốt, đăng tải trên cổng TTĐT của nhà trường.	1			
9	Hàng Quý có bài viết về gương "Người tốt - Việc tốt" gửi về Ngành. (3 quý x 0,5 điểm)	1			

10	Bài viết có chất lượng được Quận khen thưởng hoặc có gương người tốt việc tốt giới thiệu cấp Quận	0.5				
11	Chỉ đạo nhà trường thực hiện nếp sống VMĐT và chủ đề kỷ niệm 15 năm thành lập Quận "Sáng-xanh-sạch-đẹp-nở hoa". Đạt (1,0 đ); không đạt không chấm điểm.	1				
VII	Công tác văn phòng - Thi đua khen thưởng - Pháp chế.	14				
1	Xây dựng quy chế ban hành đầy đủ kế hoạch công tác văn thư lưu trữ năm học 2017 – 2018 đúng quy định.	0.5				
2	Ban hành danh mục hồ sơ hiện hành, thực hiện công tác lập hồ sơ, lưu trữ hồ sơ đúng quy định theo Thông tư 04/2013/TT-BNV. Các văn bản ban hành của trường đúng quy trình và quy định về thể thức văn bản theo Thông tư 01/2011/TT-BNV	1				
3	Có sổ đăng ký công văn đi, đến đầy đủ, quản lý con dấu đúng quy định.	0.5				
4	Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra văn thư lưu trữ tại đơn vị theo kế hoạch đã xây dựng, lưu đủ hồ sơ, sổ sách, biên bản theo quy định.	1				
5	Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác văn thư lưu trữ.	1				
6	Thực hiện xử lý công văn, thông tin báo cáo chính xác, đúng tiến độ	0.5				
7	Đăng ký thi đua đầu năm, hồ sơ văn bản đề nghị khen thưởng đúng HD, đúng thời gian quy định. Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua trong	0.5				
8	Tổ chức xét duyệt kết quả thi đua trong nhà trường đúng quy trình, khách quan, hiệu quả, công khai, dân chủ.	2				
9	Nộp các văn bản đăng ký thi đua đầu năm, văn bản hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng hướng dẫn, đúng quy trình và thời gian theo quy định.	0.5				
10	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả “Ngày pháp luật nước cộng hòa xã chủ nghĩa Việt Nam”.	0.5				
11	Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí.	0.5				
12	Thực hiện đúng quy trình giải quyết các thủ tục hành chính trong nhà trường theo quy định.	0.5				
13	Xây dựng và thực hiện hiệu quả quy trình giải quyết công việc nội bộ nhà trường theo quy định (Quy trình họp và viết báo cáo): Thực hiện	1				

14	Không có CBGVNV vi phạm luật pháp, LLATGT, pháp lệnh dân số và các quy định của ngành.	3				
15	Xử lý, giải quyết kịp thời khi có các vụ việc xảy ra, không để xảy ra đơn thư vượt cấp.	1				
VIII	Tiêu chí công tác cán bộ, đào tạo bồi dưỡng, VTVL (Phòng NV đánh giá)	10 đ				
IX	Tiêu chí tài chính, quản lý tài sản công (Phòng TC-KH đánh giá)	10 đ				
X	Tiêu chí y tế, ATTP (Phòng Y tế đánh giá)	5 đ				
	Tổng cộng:	100 điểm				

*** Điểm thưởng: 5,0 điểm**

1/ Đánh giá Ngoài tại năm học 2017 - 2018: 1,0 điểm

Đạt cấp độ 3: 1,0 đ

Đạt cấp độ 2: 0,75 đ

Đạt cấp độ 1: 0,5 đ

2/ Làm điểm chuyên đề cấp Thành phố: 1,5 điểm

3/ Làm điểm chuyên đề cấp Quận: 1,0

4/ Trường có GV tham gia thi GV giỏi cấp Thành phố: 1,5

Đạt giải Nhất: 1,5 điểm

Đạt giải Nhì: 1,25 điểm

Đạt giải Ba: 1,0 điểm

Tổng cộng: 105 điểm (kể cả điểm thưởng)

*** Tổng hợp:**

- Các chỉ tiêu xếp loại XS:

- Các chỉ tiêu xếp loại Tốt:.....

- Các chỉ tiêu xếp loại Khá:

Trường tự xếp loại:

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

(ký, họ tên, đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG

(ký, họ tên, đóng dấu)

*** Cách đánh giá xếp loại:**

1/ Đánh giá Trường:

Xếp loại Xuất sắc: 10/10 chỉ tiêu xếp loại Tốt, trong đó có ít nhất 7 chỉ tiêu xếp loại Xuất sắc (Trong đó chỉ tiêu về chuyên môn xếp loại Xuất sắc) và đạt 95 điểm trở lên (kể cả điểm thưởng)

Xếp loại Tốt: 10/10 chỉ tiêu xếp loại Tốt, trong đó có ít nhất 5 chỉ tiêu xếp loại Xuất sắc và đạt 85 điểm trở lên (kể cả điểm thưởng)

Xếp loại Khá: Có 10/10 chỉ tiêu xếp loại Khá, trong đó ít nhất có 5/10 chỉ tiêu xếp loại Tốt, còn lại xếp loại Khá.

- Xếp loại Trung bình: Các trường không thuộc diện trên.

2/ Cách đánh giá các chỉ tiêu:

Chỉ tiêu xếp loại Xuất sắc: đạt từ 95% tổng số điểm của chỉ tiêu

Chỉ tiêu xếp loại Tốt: đạt từ 80% tổng số điểm của chỉ tiêu

Chỉ tiêu xếp loại Khá: đạt từ 70% tổng số điểm của chỉ tiêu

Chỉ tiêu xếp loại TB: đạt dưới 70% tổng số điểm của chỉ tiêu

3/ Trường có CBGVNV vi phạm quy định của Pháp luật, quy định của Ngành, pháp lệnh dân số (Tùy theo mức độ vi phạm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Quận, Ngành xem xét mức đánh giá của thi đua của đơn vị)

**BIỂU ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THI ĐUA TRƯỜNG TIỂU HỌC
NĂM HỌC 2018 - 2019**

TT	Tên tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm trường đạt		Xếp loại	Ghi chú
			Trường đánh giá	PGDDĐT đánh giá		
I	Công tác chuyên môn của cấp Tiểu học	20				
1	Giáo dục truyền thống, đạo đức	5				
	Có kế hoạch (0,5 điểm) và tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục đạo đức, giáo dục truyền thống, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh sát với nhiệm vụ năm học và thực tế nhà trường (0,5 điểm).	1				
	Tổ chức cho HS tham quan các di tích trên địa bàn đúng quy định (0,5 điểm), viết bài thu hoạch sau khi tham quan, chăm bài thu hoạch, khen thưởng học sinh và báo cáo kết quả về Phòng GD&ĐT(0,25 điểm), có học sinh được khen thưởng cấp Quận (0,25 điểm).	1				
	Học sinh thực hiện giao tiếp ứng xử văn minh, biết chào hỏi lễ phép khi gặp thầy cô giáo, khách đến trường ...	0,5				
	Có kết quả xếp loại các nhóm phẩm chất và năng lực bằng mức bình quân của Quận trở lên.	0,5				
	Hồ sơ theo dõi sự tiến bộ (0,5 điểm) và thực hiện các biện pháp giáo dục, giúp đỡ học sinh khuyết tật, học sinh tự kỉ đúng quy định (0,5 điểm).	1				
	Thực hiện tốt việc phòng chống bạo lực học đường, không có hiện tượng học sinh đánh nhau trong và ngoài nhà trường.	1				
2	Chất lượng học sinh	5				
	Chất lượng đại trà đảm bảo đạt kế hoạch đề ra	3				
	- Với các trường từ 28 lớp trở lên, TT LĐXS, CLC: vượt mức kế hoạch đề ra (1 điểm); vượt mức TB Quận (1 điểm) - Với các trường còn lại: vượt mức kế hoạch đề ra dưới 5% (1 điểm), từ 5% trở lên (2 điểm)	2				
3	Chất lượng của GV	10				
3.1	Chất lượng đại trà	5				
	100% CB, GV thực hiện tốt quy chế chuyên môn, hồ sơ đầy đủ, ghi chép cập nhật (01 CBGV thực hiện chưa đúng trừ 1 điểm)	1				
	100% GV cập nhật theo dõi, đánh giá học sinh theo TT 30/2014 và TT22/2016 đúng tiến độ (0,5 điểm); Ra đề KTĐK bám sát ma trận đề, chuẩn KT-KN, đủ nội dung (0,5 điểm)	1				
	Cập nhật thông tin đánh giá học sinh vào phần mềm quản lý chất lượng giáo dục tiểu học đúng tiến độ (01 CBGV thực hiện chưa đúng trừ 0,5 điểm)	0,5				

	100% GV thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện sinh hoạt chuyên môn đạt hiệu quả (01 CBGV thực hiện chưa đúng trừ 0,5 điểm)	1				
	100% các tiết dạy do Phòng GD&ĐT và cộng tác viên thanh tra dự giờ được xếp loại từ Khá trở lên (01 tiết xếp loại Đạt trừ 0,25 điểm, 01 tiết xếp loại Chưa đạt trừ 0,5 điểm)	0,5				
	100% GV đăng kí sử dụng ĐDDH thường xuyên, hiệu quả; theo dõi số tiết sử dụng ĐDDH (0,5 điểm); hồ sơ phòng đồ dùng đầy đủ, có chất lượng (0,5 điểm).	1				
3.2	Kết quả thi giáo viên dạy giỏi	5				
	Xây dựng kế hoạch (0,5 điểm), thành lập BCD, BGK hội thi GVG cấp trường (0,5 điểm)	1				
	Tổ chức hiệu quả hội thi GVG cấp trường (0,5 điểm), đánh giá rõ ưu điểm, hạn chế, giải pháp thực hiện (0,5 điểm)	1				
	Tham gia dự thi đầy đủ các đợt thi GVG cấp Quận ở các khối, môn do Quận tổ chức	1				
	100% GVG dự thi GVG cấp Quận được công nhận GVG cấp Quận (01 CBGV không được công nhận trừ 0,5 điểm)	1				
	100% GV dự thi đủ điều kiện công nhận GVG Quận, trong đó có GV đạt giải cấp Quận (Nhất: 1 điểm; Nhì: 0,75 điểm; Ba: 0,5 điểm)	1				
II	Công tác kiểm tra nội bộ trường học	7				
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học đủ nội dung, rõ ràng, khoa học, đúng quy định, bám sát nhiệm vụ năm học.	0,5				
2	Thành lập ban kiểm tra và phân công nhiệm vụ các thành viên trong ban kiểm tra	0,5				
3	Công khai kế hoạch, kết quả kiểm tra nội bộ nhà trường hàng tháng tại phòng hội đồng nhà trường	0,5				
4	Hàng tháng thực hiện đúng hoặc điều chỉnh hợp lý kế hoạch đề ra, lưu đầy đủ hồ sơ kiểm tra và khắc phục tồn tại sau tự kiểm tra	0,5				
5	Báo cáo đầy đủ, chính xác kết quả kiểm tra nội bộ hàng tháng về Phòng GD&ĐT trong sơ kết công tác tháng (thiếu nội dung 1 tháng trừ 0,25 điểm)	0,5				
6	Báo cáo sơ kết và tổng kết công tác kiểm tra nội bộ đúng thời gian quy định. Báo cáo kịp thời các việc đột xuất	0,5				
7	Xử lý, giải quyết kịp thời khi có vụ việc xảy ra, không để xảy ra đơn thư vượt cấp (có phản ánh, đơn thư vượt cấp xác minh đúng trừ 4 điểm)	4				
III	Công tác UDCNTT + Thư viện trường học	8				
1	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ về CNTT, thi CNTT bám sát nhiệm vụ năm học, thực tế nhà trường (0,5 điểm), lưu đủ hồ sơ quản lý công tác UDCNTT trong nhà	1				

	trường (0,5 điểm)					
2	Khai thác hiệu quả trang Web của trường: thực hiện cập nhật tin bài, kho tài nguyên, văn bản... đầy đủ (theo tiêu chí đánh giá mô hình trường học điện tử)	1				
3	Thực hiện hiệu quả mô hình trường học điện tử hoặc một phần mô hình trường học điện tử trong công tác quản lý và giảng dạy	0,5				
4	Có sản phẩm CNTT đạt giải cấp Quận (Nhất: 1 điểm; Nhì: 0,75 điểm; Ba: 0,5 điểm; KK: 0,25 điểm)	1				
5	Có HS thi Tin học trẻ của Quận (0,5 điểm), đạt giải (Nhất, Nhì: 0,5 điểm; Ba, KK: 0,25 điểm)	1				
6	Xây dựng kế hoạch hoạt động thư viện cụ thể, chi tiết bám sát nhiệm vụ của năm học	0,5				
7	Hàng tháng tổ các hoạt động giới thiệu sách đúng chủ đề, hình thức đa dạng, phong phú, hiệu quả	0,5				
8	Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu sách và viết thu hoạch trong học sinh hiệu quả, chất lượng	0,5				
9	Hàng năm đầu tư ngân sách cho công tác thư viện trường học hiệu quả đúng quy định	0,5				
10	Kết quả hoạt động công tác thư viện trường học (xuất sắc: 1,5 điểm; tiên tiến: 1,25 điểm, đạt chuẩn: 1 điểm)	1,5				
IV	Công tác Chính trị tư tưởng – Công tác học sinh	6				
1	Xây dựng trường học sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn. Khu vệ sinh của nhà trường luôn luôn sạch sẽ, thân thiện.	1				
2	Xây dựng kế hoạch phổ biến GD PL, ATGT hiệu quả: Thực hiện tốt công tác trường an toàn không ùn tắc. 100% HS đội mũ bảo hiểm khi ngồi sau xe máy hoặc đi xe đạp điện (có 01 HS vi phạm trừ 0,5 điểm)	1				
3	Tổ chức tốt HKPĐ cấp trường, có học sinh dự thi HKPĐ cấp Quận (0,5 điểm) và đạt giải (Nhất: 1 điểm, Nhì: 0,75 điểm, Ba: 0,5 điểm, KK: 0,25 điểm)	1,5				
4	Các phong trào văn nghệ: - Tổ chức tốt Hội thi “Tiếng hát giáo viên” + “Giai điệu tuổi hồng” cấp trường, có dự thi cấp Quận (0,5 điểm) và đạt giải (Nhất: 1 điểm, Nhì: 0,75 điểm, Ba: 0,5 điểm, KK: 0,25 điểm) - Phong trào “Hát và sáng tác ca khúc dành cho thiếu nhi” (Có tác phẩm dự thi cấp Quận: 0,5 điểm; có tác phẩm dự thi cấp TP: 0,5 điểm)	2,5				
V	Công tác tuyển sinh; kiểm định chất lượng và xây dựng, duy trì trường chuẩn quốc gia	7				
1	Xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng sát tình hình nhà trường	0,5				
2	Báo cáo tự đánh giá của trường đúng thể thức (0,25 điểm), nội dung (0,5 điểm), thời gian theo quy định (0,25 điểm)	1				

3	Thực hiện tự kiểm định (0,25 điểm), lưu đủ hồ sơ minh chứng theo các tiêu chuẩn (0,25 điểm/tiêu chuẩn)	1,5			
4	Công tác điều tra số liệu tuyển sinh chính xác (0,5 điểm), xây dựng kế hoạch tuyển sinh phù hợp tình hình thực tế nhà trường (0,5 điểm)	1			
5	Thực hiện tốt công tác tuyên truyền tuyển sinh đầu cấp, tuyển sinh đúng chỉ tiêu, kế hoạch xây dựng	1			
6	Đảm bảo sự đồng đều về sĩ số học sinh giữa các lớp	0,5			
7	Được công nhận mới hoặc duy trì tốt 5 tiêu chí trường CQG (1,5 điểm). Không duy trì được 1 trong 5 tiêu chí CQG hoặc chưa đạt chuẩn vì lí do khách quan (1 điểm)	1,5			
VI	Công tác quản lý	10			
1	Xây dựng hệ thống văn bản đủ, đúng quy định	1			
2	Quản lý tốt các câu lạc bộ (0,5 điểm), các lớp năng khiếu (0,5 điểm), các chương trình Tiếng Anh liên kết (0,5 điểm), dạy thêm học thêm (1 điểm), công tác chuyên môn (0,5 điểm) và công tác bán trú (0,5 điểm)	3,5			
4	Điều hành hiệu quả theo kế hoạch (BGH xếp loại xuất sắc 1,5 điểm; Tốt 1 điểm; Hoàn thành nhiệm vụ 0,5 điểm)	1,5			
5	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo đầy đủ, đúng quy định (chậm, sai nhiều trừ 0,5 điểm/loại/lần)	1,5			
6	Đăng ký, xây dựng các biện pháp tổ chức thực hiện nội dung mới trong năm học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường (Quận ghi nhận 1 điểm, tập thể nhà trường ghi nhận 0,5 điểm)	1			
7	Hoạt động toàn diện: - 11 chỉ tiêu tốt, có ít nhất 6 chỉ tiêu xuất sắc: 1,5 điểm - 11 chỉ tiêu tốt, có ít nhất 5 chỉ tiêu xuất sắc: 1,25 điểm - 11 chỉ tiêu tốt, có ít nhất 4 chỉ tiêu xuất sắc: 1 điểm - Các mức còn lại: 0,5 điểm	1,5			
VII	Công tác Đoàn - Đội - Hội và thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua, người tốt việc tốt	10			
1	Xây dựng đủ các kế hoạch, chương trình công tác Đoàn, Đội, Hội và các phong trào thi đua, các cuộc vận động	0,5			
2	Triển khai đầy đủ, đúng chương trình, kế hoạch xây dựng, lưu đầy đủ hồ sơ	0,5			
3	Công tác phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh có tác dụng thúc đẩy giáo dục toàn diện và dư luận tốt	0,5			
4	100% CBGVNV thực hiện nghiêm túc các phong trào thi đua, các cuộc vận động (01 CBGVNV không thực hiện đúng trừ 4 điểm).	4			
5	Kết quả Công tác Đoàn - Đội (Xuất sắc: 1,5 điểm, Tốt: 1,25 điểm. Khá: 1 điểm)	1,5			

6	Có kế hoạch tuyên truyền, triển khai cuộc thi viết về gương người tốt, việc tốt trong CBGVNV; đăng trên cổng TTĐT của trường.	0,5				
7	Hàng quý có bài viết về người tốt việc tốt gửi về Ngành GD&ĐT (0,5 điểm / bài)	2				
8	Bài viết có chất lượng được Quận khen thưởng hoặc có gương người tốt việc tốt cấp Quận.	0,5				
VIII	Công tác văn phòng - Pháp chế	7				
1	Xây dựng quy chế, ban hành đầy đủ kế hoạch công tác VTLT năm học 2018-2019	0,5				
2	Các văn bản ban hành của nhà trường đúng quy trình và quy định về thể thức theo thông tư 01/2011/TT- BNV	1				
3	Ban hành danh mục hồ sơ hiện hành, thực hiện công tác lập hồ sơ, lưu hồ sơ đúng thông tư 04/2013/TT- BNV	1				
4	Có sổ đăng ký công văn đi, đến đầy đủ, quản lý con dấu đúng quy định	0,5				
5	Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra VTLT tại đơn vị theo kế hoạch đã xây dựng, lưu đủ biên bản	0,5				
6	Xây dựng kế hoạch và tổ chức hiệu quả ngày pháp luật nước Cộng hòa XHCN Việt Nam	0,5				
7	Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm phòng chống tham nhũng lãng phí	0,5				
8	Xây dựng các quy trình giải quyết nội bộ theo hướng dẫn của Phòng GD&ĐT (0,5 điểm) và thực hiện theo quy trình (1 điểm)	1,5				
9	Thực hiện đúng quy trình giải quyết các thủ tục hành chính trong nhà trường	1				
IX	Chỉ tiêu công tác cán bộ, đào tạo bồi dưỡng, VTVL (Phòng Nội vụ đánh giá)	10				
X	Chỉ tiêu tài chính, quản lý tài sản công (Phòng TC-KH đánh giá)	10				
XI	Chỉ tiêu y tế, ATTP (Phòng y tế đánh giá)	5				
A	CỘNG: (Từ chỉ tiêu I đến XI)	100 điểm				
B	ĐIỂM THƯỞNG (các cuộc thi chính thức, lấy thành tích cao nhất)	5 điểm				
I	Học sinh: 1 điểm					
	Có học sinh cấp Thành phố (Được công nhận, KK, Ba: 0,25 điểm; Nhì, Nhất: 0,5 điểm). Có học sinh cấp QG (Được công nhận, KK, Ba: 0,75 điểm; Nhì, Nhất: 1 điểm)	1				
II	Giáo viên: 4 điểm					

1	Thi GVG, GVG chuyên đề đạt giải cấp Thành phố (Được công nhận, KK: 0,25 điểm, Ba: 0,5 điểm, Nhì: 0,75 điểm, Nhất: 1 điểm)	1				
2	Thi sáng tác ca khúc đạt giải cấp Thành phố (KK: 0,25 điểm, Ba: 0,5 điểm; Nhì: 0,75 điểm, Nhất 1 điểm)	1				
3	Thi sản phẩm CNTT đạt giải cấp Thành phố (KK, Ba: 0,25 điểm, Nhì, Nhất 0,5 điểm), cấp Quốc gia (KK, Ba: 0,75 điểm; Nhì, Nhất: 1 điểm)	1				
4	Tham gia làm điểm các hoạt động (Quận: 0,5 điểm; Thành phố, Quốc gia: 0,75 điểm)	0,75				
5	Tham gia đánh giá ngoài (KĐCL GD): 0,25 điểm	0,25				
	TỔNG CỘNG: (A + B)	105 điểm				

Tổng hợp:

- Các chỉ tiêu xếp loại XS:.....
- Các chỉ tiêu xếp loại Tốt:.....
- Các chỉ tiêu xếp loại Khá:

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

(ký, họ tên, đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG

(ký, họ tên, đóng dấu)

Cách đánh giá, xếp loại:

1. Đánh giá, xếp loại các chỉ tiêu:

- Chỉ tiêu xếp loại Xuất sắc: đạt từ 95% tổng số điểm của chỉ tiêu
- Chỉ tiêu xếp loại Tốt: đạt từ 80% tổng số điểm của chỉ tiêu
- Chỉ tiêu xếp loại Khá: đạt từ 70% tổng số điểm của chỉ tiêu
- Chỉ tiêu xếp loại TB: đạt dưới 70% tổng số điểm của chỉ tiêu

2. Đánh giá trường:

- Xếp loại XS: 11/11 chỉ tiêu xếp loại Tốt, trong đó có ít nhất 7 chỉ tiêu xếp loại xuất sắc (phải có chỉ tiêu về chuyên môn) và đạt 95 điểm trở lên (bao gồm cả điểm thưởng)
- Xếp loại Tốt: 11/11 chỉ tiêu xếp loại Tốt, trong đó có ít nhất 5 chỉ tiêu xếp loại xuất sắc và đạt từ 85 điểm trở lên (bao gồm cả điểm thưởng)
- Xếp loại Khá: Có 5/13 chỉ tiêu xếp loại tốt, còn lại xếp loại khá và đạt từ 70 điểm trở lên (bao gồm cả điểm thưởng)
- Loại TB: Chưa đạt các tiêu chí trên

3. Hạ bậc thi đua:

-Tập thể có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm quy định của Đảng, của nhà nước, của pháp luật, của ngành hoặc để xảy ra các vụ việc về mất an toàn, an ninh trật tự trường học tùy theo mức độ sẽ bị hạ bậc thi đua.

- Tập thể có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm quy định của Đảng, của nhà nước, của pháp luật, của Ngành tùy theo mức độ sẽ bị hạ bậc thi đua.

- Các đơn vị để xảy ra các vụ việc về mất an toàn, an ninh trật tự trường học hoặc ảnh hưởng đến uy tín của Ngành tùy theo mức độ sẽ bị hạ bậc thi đua.

**BIỂU ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THI ĐUA CÁC TRƯỜNG
NĂM HỌC 2018- 2019 LĨNH VỰC NỘI VỤ**

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn	Điểm chấm		Ghi chú
			Trường tự chấm điểm	Phòng chuyên môn đánh giá	
I	Công tác quản lý, sử dụng biên chế, HĐLĐ, giải quyết chế độ chính sách khối giáo dục	06			
1	Nộp hồ sơ nâng lương, bổ nhiệm lại, giải quyết chế độ chính sách cho CBGVNV đúng thời hạn	1,5			Mỗi nội dung chậm muộn trừ 0,3 điểm
2	Ký HĐLĐ đúng quy trình, chỉ tiêu giao biên chế	2			Mỗi nội dung không đúng quy trình hoặc mỗi trường hợp vượt chỉ tiêu trừ 0,3 điểm
3	Thường xuyên cập nhật hồ sơ CBGVNV trên phần mềm quản lý nhân sự	1			Mỗi hồ sơ không cập nhật trừ 0,2 điểm
4	Chế độ thông tin, báo cáo (báo cáo tăng giảm GVNV tại thời điểm phát sinh, các nội dung báo cáo theo yêu cầu...)	1,5			Mỗi nội dung báo cáo chậm muộn trừ 0,3 điểm
II	Công tác thi đua khen thưởng	04			
1	Nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng hàng tháng đúng thời gian, đảm bảo chỉ tiêu theo quy định	1			Mỗi tháng chậm muộn hoặc vượt quá chỉ tiêu trừ 0,3 điểm
2	Đăng ký thi đua năm học 2018-2019	1			Không đăng ký 0 điểm; đăng ký chậm muộn trừ 0,3 điểm
3	Nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết đúng thời gian, đúng tiêu chuẩn	2			Chậm muộn trừ 0,2 điểm. Mỗi nội dung không đúng tiêu chuẩn trừ 0,3 điểm
	Tổng	10			

**BIỂU ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THI ĐUA CÁC TRƯỜNG
NĂM HỌC 2018- 2019 LĨNH VỰC Y TẾ**

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm	Điểm trường đạt		Ghi chú
			Trường đánh giá	Phòng chuyên môn đánh giá	
1	Tỷ lệ học sinh tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%	1			<i>Không có điểm nếu không đạt chỉ tiêu</i>
2	Công tác an toàn thực phẩm	1,5			<i>Không có điểm nếu để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm tại trường học</i>
	- Duy trì tốt, thường xuyên các điều kiện đảm bảo ATTP trong chế biến, bảo quản thực phẩm	0,5			
	- Sử dụng thực phẩm rõ nguồn gốc; Lưu giữ đầy đủ hồ sơ của các sản phẩm thực phẩm sử dụng trong trường học	0,3			
	- Thực hiện tốt việc niêm yết công khai giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP/bản cam kết ATTP; danh mục nguồn gốc thực phẩm tới phụ huynh học sinh, cán bộ, giáo viên	0,2			
	- Đảm bảo tốt vệ sinh trong ăn, uống của học sinh	0,5			
3	Công tác phòng chống dịch bệnh	1			
	- Duy trì tốt, thường xuyên các biện pháp phòng chống dịch bệnh trong trường học	0,6			
	- Chủ động phối hợp với ngành y tế triển khai các biện pháp phòng chống dịch	0,4			
4	Triển khai tốt, đầy đủ các hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh	1			
5	Triển khai tốt các hoạt động nhằm phát triển thể lực, tầm vóc cho học sinh (xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng, đề án sữa học đường,...), các hoạt động của Đề án nâng cao chất lượng dân số tại trường học	0,5			
	Tổng	5			

UBND QUẬN LONG BIÊN
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH

BIỂU ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THI ĐUA CÁC TRƯỜNG NĂM 2018

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THEO QUÝ				ĐIỂM ĐƠN VỊ CHẤM THEO TỪNG QUÝ		PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH CHẤM ĐIỂM THEO QUÝ		GHI CHÚ
		QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	SỐ ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	LÝ DO GIẢM TRỪ	SỐ ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	LÝ DO GIẢM TRỪ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	TỔNG ĐIỂM	10	10	10	10					
1	Công tác lập, phân bổ dự toán, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ	4.3	2.5	2.5	1.2					
1.1	<i>Lập, phân bổ Dự toán đầu năm</i>	2.5								
	- Đúng biểu mẫu	0.5								
	- Đúng chế độ, định mức	0.5								
	- Đúng Mục lục ngân sách	0.5								
	- Số liệu chính xác	0.5								
	- Nộp báo cáo đúng hạn	0.5								
1.2	<i>Dự toán phát sinh: Đúng biểu mẫu; Chế độ, định mức; mục lục ngân sách; số liệu chính xác; thời gian đảm bảo</i>	0.5	0.5	0.5	0.2					
	- Đúng biểu mẫu, số liệu chính xác	0.25	0.25	0.25	0.1					
	- Đúng chế độ, định mức, mục lục ngân sách	0.25	0.25	0.25	0.1					
1.3	<i>Xây dựng, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ</i>	1.3	2	2	1					
	- Bộ quy chế đầy đủ: Biên bản họp cán bộ công chức, viên chức nhân viên thống nhất thông qua quy chế (có xác nhận của Chủ tịch công đoàn); Quyết định ban hành quy chế và Quy chế	0.3	0.4	0.4	0.2					

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THEO QUÝ				ĐIỂM ĐƠN VỊ CHẤM THEO TỪNG QUÝ		PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH CHẤM ĐIỂM THEO QUÝ		GHI CHÚ
		QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	SỐ ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	LÝ DO GIẢM TRỪ	SỐ ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	LÝ DO GIẢM TRỪ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	- Phản ánh đầy đủ các khoản thu, chi trong năm của đơn vị	0.3	0.4	0.4	0.2					
	- Nội dung thu, chi đảm bảo theo đúng chế độ, định mức, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền	0.3	0.4	0.4	0.2					
	- Thời gian ban hành đảm bảo theo quy định	0.2	0.4	0.4	0.2					
	- Công khai theo quy định	0.2	0.4	0.4	0.2					
2	Công tác chấp hành dự toán thu, chi (Đánh giá theo thẩm định quyết toán; thanh tra thường xuyên, chuyên đề)	0	0	0	5					
2.1	<i>Chi đúng dự toán, quy chế chi tiêu nội bộ</i>	0	0	0	1					
	- Quy định các khoản thu, chi trong Quy chế chi tiêu nội bộ phải khớp đúng với dự toán.				0.5					
	- Số chi đúng với dự toán và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ.				0.5					
2.2	<i>Kế toán nguồn kinh phí</i>	0	0	0	1					
	- Hạch toán đúng tài khoản kế toán, ghi đúng, rõ tên nguồn kinh phí				0.5					
	- Chi đúng nguồn, nội dung chi phù hợp với quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên				0.5					
2.3	<i>Chứng từ kế toán</i>	0	0	0	1.5					
	- Lập chứng từ thu, chi ...: Đúng biểu mẫu, nội dung phiếu chi khái quát được toàn bộ nội dung chi				0.5					
	- Hồ sơ thanh toán : Đảm bảo chứng minh được các nội dung phát sinh; hoá đơn, chứng từ thanh toán đảm bảo đúng quy định				0.5					

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THEO QUÝ				ĐIỂM ĐƠN VỊ CHẤM THEO TỪNG QUÝ		PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH CHẤM ĐIỂM THEO QUÝ		GHI CHÚ
		QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	SỐ ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	LÝ DO GIẢM TRỪ	SỐ ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	LÝ DO GIẢM TRỪ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	- Thời gian thanh toán, hạch toán kịp thời theo quy định				0.5					
2.4	<i>Quản lý quỹ tiền mặt</i>	0	0	0	1.5					
	- Phản ánh đầy đủ các khoản thu chi quỹ tiền mặt vào sổ kế toán, sổ quỹ kịp thời				0.5					
	- Nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi đúng quy định				0.5					
	- Thực hiện chốt sổ quỹ hàng ngày, kiểm kê quỹ tiền mặt theo quy định				0.5					
3	Công tác khoá sổ, lập báo cáo quyết toán	2	0	0	0					
3.1	<i>Thực hiện khoá sổ kế toán, đối chiếu Kho bạc đúng hướng dẫn</i>	0.5								
3.3	<i>Lập báo cáo quyết toán đúng, đủ biểu mẫu theo quy định; thuyết minh báo cáo tài chính ràng, đánh giá được kết quả hoạt động trong năm</i>	1								
3.4	<i>Nộp báo cáo quyết toán đúng thời gian quy định</i>	0.5								
4	Công khai tài chính, tài sản	1.2	3.5	3.5	0.8					
4.1	<i>Báo cáo công khai</i>	0.3	0.5	0.5	0.2					
4.2	<i>Biểu mẫu, số liệu công khai</i>	0.3	1	1	0.2					
4.3	<i>Nội dung công khai</i>	0.3	1	1	0.2					
4.4	<i>Thời gian công khai</i>	0.3	1	1	0.2					
5	Công tác báo cáo đột xuất, định kỳ	1.5	3	3	0.6					
5.1	<i>Biểu mẫu báo cáo</i>	0.5	1	1	0.2					
5.2	<i>Số liệu báo cáo</i>	0.5	1	1	0.2					

STT	NỘI DUNG	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THEO QUÝ				ĐIỂM ĐƠN VỊ CHẤM THEO TỪNG QUÝ		PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH CHẤM ĐIỂM THEO QUÝ		GHI CHÚ
		QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	SỐ ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	LÝ DO GIẢM TRỪ	SỐ ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	LÝ DO GIẢM TRỪ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5.3	Thời gian nộp báo cáo	0.5	1	1	0.2					
6	Đơn thư, phản ánh, khiếu nại thuộc lĩnh vực tài chính	1	1	1	1					
7	Công tác quản lý tài sản	0	0	0	1.4					
7.1	Phân loại tài sản				0.2					
7.2	Hạch toán kế toán tài sản				0.2					
7.3	Quy chế quản lý tài sản				0.2					
7.4	Thiết lập đầy đủ: Hồ sơ quản lý tài sản, đánh mã tài sản, lập thẻ tài sản				0.2					
7.5	Xử lý tài sản đảm bảo đúng trình tự, thẩm quyền				0.2					
7.6	Kiểm kê tài sản				0.2					
7.7	Cập nhật vào phần mềm quản lý tài sản				0.2					

Nguyên tắc chấm điểm:

- Những nội dung thực hiện đạt yêu cầu: Tính đúng bằng số điểm như trong biểu điểm đã nêu trên;
- Những nội dung có trong bảng tính điểm nhưng không phát sinh (cần nêu rõ trong phần ghi chú) trong quý, tính bằng điểm đạt yêu cầu;
- Những nội dung trừ điểm: Trừ đúng bằng số điểm như đã nêu trong biểu trên;
- Riêng đối với nội dung đơn thư phản ánh, khiếu nại: Khi có phát sinh sẽ bị trừ toàn bộ số điểm trong nội dung này
- * Cách tính điểm đối với các nội dung thuộc mục 4,5 trong biểu chấm điểm ngoài việc tuân thủ nguyên tắc chấm điểm trên, trong một số trường hợp phát sinh cách tính điểm như sau:
 - Trong một quý phát sinh nhiều báo cáo, nhiều nội dung phải công khai tính trên nguyên tắc: Tổng số điểm của nội dung đó chia cho số lượng báo cáo, số nội dung phải công khai lấy số điểm bình quân (Làm tròn đến 02 số sau dấu phẩy). Mỗi nội dung đạt yêu cầu sẽ được tính theo số điểm bình quân đó và ngược lại.
 - Đối với mục công khai: Định kỳ vào ngày 20 của tháng cuối quý đơn vị nộp báo cáo việc thực hiện công khai.

TIÊU CHUẨN THI ĐUA
XÂY DỰNG ĐƠN VỊ TIÊN TIẾN VỀ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN LONG BIÊN

I. TIÊU CHUẨN THI ĐUA

A. Trường mầm non tiên tiến về TDTT

1. Tiêu chuẩn 1. Tổ chức bộ máy: 10 điểm

1.1. Nhà trường có kế hoạch và thực hiện tốt kế hoạch giáo dục thể chất trong năm học, chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên xây dựng và thực hiện chương trình quy định. Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác giáo dục thể chất và có báo cáo với quận, huyện, Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội.	5 điểm
1.2. Nhà trường tổ chức triển khai có hiệu quả các hoạt động TDTT theo kế hoạch năm học, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh năng khiếu và đội tuyển trường tham gia thi đấu các môn thể thao các cấp.	5 điểm

2. Tiêu chuẩn 2. Thực hiện đúng chương trình môn Thể dục chính khóa quy định Bộ GD&ĐT: 70 điểm

2.1. Có 100% lớp thực hiện tốt chương trình thể dục buổi sáng hoặc giữa giờ thường xuyên có nề nếp, chất lượng tốt, nội dung tập hợp lý, kết hợp với nhạc và dụng cụ tập luyện.	10 điểm
2.2. Thực hiện chương trình thể dục chính khóa theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo với chất lượng tốt, hồ sơ giáo án đầy đủ.	10 điểm
2.3. Tổ chức các trò chơi vận động cho trẻ trong các giờ học phù hợp, có tác dụng tốt trong việc củng cố, rèn luyện kỹ năng vận động nhằm nâng cao thể lực cho trẻ.	10 điểm
2.5. Tổ chức hội thi “Chúng cháu vui khỏe” hoặc “Hội khỏe Măng non” trong năm học và các hội thi khác theo sự chỉ đạo của các cấp.	20 điểm
2.6. Tham gia đầy đủ các hoạt động TDTT do quận, huyện tổ chức + Đạt giải nhất, nhì, ba của bất kỳ môn thi nào + Không đạt giải	10 điểm 5 điểm
2.7. Trường có đội tuyển hoặc vận động viên đại diện quận, huyện tham gia các hoạt động TDTT hoặc các hoạt động khác do thành phố tổ chức. + Đạt giải: Nhất Nhì Ba + Không đạt giải	5 điểm 4 điểm 3 điểm 1 điểm
2.8. Đội ngũ giáo viên, cán bộ, công nhân viên trong trường tham gia sinh hoạt TDTT thường xuyên hoặc rèn luyện 01 môn thể thao theo sở thích.	5 điểm

3. Tiêu chuẩn 3. Cơ sở vật chất: 20 điểm

3.1. Có đầy đủ dụng cụ, phương tiện để thực hiện tốt công tác Giáo dục thể chất trong nhà trường. Dụng cụ và phương tiện giảng dạy được sử dụng thường xuyên và có hiệu quả.	10 điểm
3.2. Có phòng tập hay sân tập thể chất hoạt động thường xuyên và hiệu quả.	5 điểm
3.3. Đồ chơi ngoài trời phong phú.	5 điểm

B. Trường Tiểu học, THCS, THPT, TTGDTX tiên tiến về TDTT

1. Tiêu chuẩn 1. Tổ chức bộ máy: 10 điểm

1.1. Trường có Hội đồng Giáo dục thể chất. Mỗi lớp có 01 cán sự TDTT. Hội đồng giáo dục thể chất có kế hoạch hoạt động, sinh hoạt hàng tháng, học kỳ, có tổ chức sơ kết, tổng kết công tác Giáo dục thể chất và báo cáo với quận, huyện, sở Giáo dục và đào tạo, sở Văn hóa và thể thao Hà Nội.	5 điểm
1.2. Hội đồng Giáo dục thể chất của nhà trường tổ chức triển khai có hiệu quả các hoạt động TDTT theo kế hoạch năm học, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh năng khiếu và đội tuyển trường tham gia thi đấu TDTT các cấp.	5 điểm

2. Tiêu chuẩn 2. Thực hiện tốt chương trình nội khóa: 15 điểm

2.1. Đảm bảo thực hiện đúng, đủ chương trình quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo cho 100% các lớp trong nhà trường.	5 điểm
2.2. Hồ sơ giảng dạy, giáo án đầy đủ, chất lượng, sáng tạo. Đánh giá xếp loại học sinh về mặt giáo dục thể chất đúng trình độ của học sinh.	5 điểm
2.3. Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong giảng dạy nội ngoại khóa, không để xảy ra chấn thương cho học sinh. * Nếu để xảy ra chấn thương lớn hoặc tai nạn trong giờ lên lớp tùy theo mức độ sẽ bị trừ 5 điểm hoặc không xét kết quả thi đua.	5 điểm

3. Tiêu chuẩn 3. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa: 60 điểm.

3.1. Trường tiểu học có phong trào thể dục hàng ngày (thể dục buổi sáng hoặc thể dục giữa giờ chống mệt mỏi).	10 điểm
3.2. Trường THCS, THPT, Trung tâm GDTX có phong trào thể dục hàng ngày.	5 điểm
3.3. Trường THCS, THPT, Trung tâm GDTX tổ chức tốt việc tập luyện và kiểm tra chạy giải Báo Hà Nội mới cho học sinh.	5 điểm
3.4. Trường tổ chức tốt Hội khỏe Phù Đổng với nhiều môn thi, nội dung phong phú, có chất lượng.	10 điểm
3.5. Trường có Câu lạc bộ TDTT từ 03 môn trở lên, hoặc nhóm, lớp các vận động viên yêu thích tự nguyện tập một số môn thể thao nhà trường tổ chức. Câu lạc bộ TDTT hoạt động thường xuyên có nền nếp 3 buổi/tuần trở lên, có kế hoạch lịch tập cụ thể. Môn thể thao hoạt động trong	10 điểm

Câu lạc bộ TDTT của nhà trường đạt thành tích cao trong các cuộc thi do quận, huyện tổ chức. Đội ngũ giáo viên, cán bộ, công nhân viên trong trường tham gia sinh hoạt TDTT thường xuyên hoặc rèn luyện 01 môn thể thao theo sở thích.	
3.6. Trường tổ chức tập luyện và kiểm tra đánh giá tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo lứa tuổi cho 100% học sinh trong độ tuổi quy định (có thống kê tỷ lệ: Đạt, khá, giỏi, không đạt theo quy định hiện hành)	10 điểm
3.7. Trường tham gia các cuộc thi đấu TDTT học sinh do quận, huyện tổ chức + Đạt giải nhất của bất kỳ môn thi nào + Đạt giải nhì của bất kỳ môn thi nào + Đạt giải ba của bất kỳ môn thi nào + Không đạt giải	10 điểm 7 điểm 5 điểm 2 điểm
3.8. Trường có VĐV hoặc đội tuyển đại diện cho quận, huyện tham gia thi đấu các giải thể thao do thành phố tổ chức: + Đạt giải nhất của bất kỳ môn nào + Đạt giải nhì của bất kỳ môn nào + Đạt giải ba của bất kỳ môn nào + Không đạt giải + Nếu đăng ký thi đấu mà bỏ cuộc: - Môn thi đồng đội trừ 5 điểm - Môn thi cá nhân trừ 2 điểm * Nếu đăng ký thi đấu mà bị ban tổ chức tước quyền thi đấu do vi phạm Điều lệ, Quy chế giải sẽ không xét kết quả thi đua kiểm tra đơn vị tiên tiến về TDTT	10 điểm 7 điểm 5 điểm 2 điểm

4. Tiêu chuẩn 4. Cơ sở vật chất: 15 điểm

4.1. Có đường chạy cự ly ngắn từ 60m (tiểu học), 80m – 100m (THCS, THPT), hố cát (hoặc đệm nhảy) và đầy đủ dụng cụ cho giảng dạy nội khóa theo chương trình của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định.	3 điểm
4.2. - Có nhà thể chất. - Có sân chơi, sân tập TDTT sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho hoạt động ngoại khóa có hiệu quả.	5 điểm 3 điểm
4.3. Nhà trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa TDTT. Bố trí đủ kinh phí hoạt động và đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giáo dục thể chất trong năm học.	4 điểm

II. ĐIỂM THƯỞNG

Ngoài các tiêu chí thi đua chung cho từng loại hình đối tượng nếu đạt thêm một số tiêu chuẩn sau đây được cộng điểm.

1. Trường tiểu học có giáo viên chuyên trách Thể dục thể thao	+ 1 điểm
2. Trường có giáo viên dạy giỏi môn Thể dục	

+ Cấp trường, quận, huyện + Cấp thành phố, cấp bộ Cộng điểm thưởng cho giáo viên giỏi chỉ cộng điểm ở 01 nội dung cao điểm nhất	+ 1 điểm + 2 điểm
3. Trường học, xã, phường, thị trấn, cơ quan, xí nghiệp, doanh nghiệp, đơn vị công an, quân đội, cụm TDTT có vận động viên thi đấu giải quốc gia, quốc tế giành HCV, HCB, HCD hoặc đạt cấp I, kiện tướng	+ 2 điểm
4. Trong năm đơn vị xây dựng được 01 công trình TDTT mới phục vụ phong trào TDTT.	+ 5 điểm
5. Đơn vị nhận tài trợ, đỡ đầu 01 CLB thể thao hoặc 01 đội tuyển thể thao của quận, huyện 20 triệu/năm.	+ 5 điểm

III. CÁCH ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP KẾT QUẢ

1. Các đơn vị đạt từ 70 – 85 điểm xếp loại “Đơn vị có phong trào TDTT khá”.
2. Các đơn vị đạt từ 86 – 95 điểm xếp loại: “Đơn vị tiên tiến về TDTT”.
3. Các đơn vị đạt từ 96 – 100 điểm xếp loại: “Đơn vị tiên tiến xuất sắc về TDTT”.
4. Những đơn vị không có điểm ở 01 trong 04 tiêu chuẩn trên dù có đạt điểm chuẩn của bất kỳ mức nào cũng không xét tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến về TDTT”.
5. Các quận, huyện, thị xã đề nghị Sở Văn hóa và Thể thao công nhận “Đơn vị tiên tiến xuất sắc về TDTT” là trong số những đơn vị đạt tiêu chuẩn tiên tiến xuất sắc nhất của các khối. Số đơn vị đề nghị tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến xuất sắc về TDTT” cấp Thành phố như sau:
 - + Khối trường học: 15 trường.
 - + Khối xã phường, thị trấn, cơ quan, xí nghiệp doanh nghiệp, lực lượng vũ trang: 12 đơn vị.